

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3 – 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Văn Bình	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thuý Hiền	Ủy viên	
Bà Cao Thị Lan	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2010
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2010
Bà Mai Thị Thanh Hà	Ủy viên	
Bà Trần Thị Thanh Hương	Ủy viên	

Ban Giám đốc

Ông Trần Thành Sơn	Giám đốc điều hành
Ông Trần Xuân Cảnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Thành Sơn
Giám đốc điều hành
Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Số. /2011/AP-BCKT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng quản trị**
 Ban Giám đốc
 Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương (sau đây gọi chung là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính này được lập ngày 10/03/2011 từ trang 04 đến trang 20 kèm theo.

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Việt Nam, trên Báo cáo kiểm toán số 014/2010/VAAC/BCKT-TC ngày 09/03/2010, kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc đồng thời cũng chịu trách nhiệm ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được thực hiện dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, trên cơ sở đánh giá rủi ro liên quan đến các sai sót trọng yếu phản ánh trên báo cáo tài chính, do các gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá rủi ro, kiểm toán viên cũng xem xét các thủ tục kiểm soát do Ban Giám đốc thực hiện nhằm lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp trong từng trường hợp mà không nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vũ Bình Minh

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Nguyễn Thương

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		26.685.494.700	25.643.712.805
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		34.779.272	4.242.850.758
1. Tiền	111	4	34.779.272	4.242.850.758
II. Các khoản phải thu	130		11.061.731.566	11.347.600.991
1. Phải thu của khách hàng	131		11.056.131.924	10.998.979.691
2. Trả trước cho người bán	132		2.500.000	-
3. Các khoản phải thu khác	135	5	3.099.642	348.621.300
III. Hàng tồn kho	140		14.760.096.203	9.470.846.414
1. Hàng tồn kho	141	6	14.760.096.203	9.470.846.414
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		828.887.659	582.414.642
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		824.270.607	582.414.642
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		17.052	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.600.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		4.746.511.361	6.290.531.633
I. Tài sản cố định	220		4.746.511.361	6.272.679.108
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	2.045.316.299	3.493.751.814
- Nguyên giá	222		15.256.721.147	14.725.501.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.211.404.848)	(11.231.749.828)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	2.701.195.062	2.778.927.294
- Nguyên giá	228		3.355.441.291	3.355.441.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(654.246.229)	(576.513.997)
II. Tài sản dài hạn khác	260		-	17.852.525
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	17.852.525
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		31.432.006.061	31.934.244.438

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		11.124.415.981	11.994.537.190
I. Nợ ngắn hạn	310		11.124.415.981	11.994.537.190
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	5.427.234.375	8.105.217.300
2. Phải trả cho người bán	312		4.760.651.416	3.147.541.469
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	232.568.103	210.592.353
4. Phải trả công nhân viên	315		298.900.740	219.927.599
5. Chi phí phải trả	316		18.458.953	35.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	11	46.524.801	19.484.873
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		340.077.593	256.773.596
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		20.307.590.080	19.939.707.248
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	20.307.590.080	19.939.707.248
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.350.000.000	15.350.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(1.499.786.780)	(1.151.378.700)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	238.033.670
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.052.869.210	1.505.381.560
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		501.179.071	301.590.805
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.903.328.579	3.696.079.913
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		31.432.006.061	31.934.244.438

Trần Thành Sơn
 Giám đốc điều hành
 Ngày 25 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Thị Ngọc
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	45.480.237.273	47.221.722.955
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		45.480.237.273	47.221.722.955
4. Giá vốn hàng bán	11	16	39.156.915.469	42.069.507.613
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		6.323.321.804	5.152.215.342
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	94.571.480	152.373.977
7. Chi phí tài chính	22	18	577.975.855	303.674.746
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		577.975.855	188.755.705
8. Chi phí bán hàng	24		586.065.600	649.679.066
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		917.484.884	770.829.156
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.336.366.945	3.580.406.351
11. Thu nhập khác	31		-	27.000.000
12. Chi phí khác	32		2.816.509	3.500.000
13. Lãi/Lỗ khác (40=31-32)	40		(2.816.509)	23.500.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.333.550.436	3.603.906.351
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	412.369.332	200.345.628
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	19	17.852.525	(15.652.563)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		3.903.328.579	3.419.213.286
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	2.731	2.275

Trần Thành Sơn
Giám đốc điều hành
Ngày 25 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Thị Ngọc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.333.550.436	3.603.906.351
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.057.387.252	2.553.159.499
- Các khoản dự phòng	03		-	(1.019.018.464)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59.543.226)	-
- Chi phí lãi vay	06		577.975.855	188.755.705
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.909.370.317	5.326.803.091
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		39.396.408	814.365.108
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.289.249.789)	(2.500.461.957)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.436.889.346	(1.901.290.901)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(559.516.902)	(188.755.705)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(390.393.582)	(20.685.407)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(10.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.146.495.798	1.519.924.229
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(531.219.505)	(40.150.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		59.543.226	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(471.676.279)	(40.150.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		(348.408.080)	(1.151.378.700)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		31.781.699.078	27.760.681.232
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(34.459.682.003)	(23.137.642.335)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.856.500.000)	(767.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.882.891.005)	2.704.160.197
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.208.071.486)	4.183.934.426
Tiền tồn đầu kỳ	60	5	4.242.850.758	58.916.332
Tiền tồn cuối kỳ	70	5	34.779.272	4.242.850.758

Trần Thành Sơn
 Giám đốc điều hành
 Ngày 25 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Thị Ngọc
 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 24/07/2002 và các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 cấp ngày 14/07/2003 (thay đổi vốn điều lệ từ 09 tỷ lên 12,3 tỷ); Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 cấp ngày 05/10/2004 (bổ sung ngành nghề kinh doanh); Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 cấp ngày 18/01/2006 (thay đổi vốn điều lệ thành 10,025 tỷ); Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 cấp ngày 06/10/2006 (thay đổi vốn điều lệ thành 15,350 tỷ).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 15.350.000.000 đồng, tương ứng với 1.530.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh và in các loại bao bì nhựa, bao bì giấy;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành bao bì;
- Cho thuê nhà xưởng.

Trụ sở và nhà xưởng của Công ty đặt tại: Lô 89 - Đường số 6 - Khu công nghiệp Sóng Thần I - Huyện Dĩ An - Tỉnh Bình Dương.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý đối với thành phẩm và theo phương pháp bình quân gia quyền tháng đối với nguyên vật liệu.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian sử dụng ước tính của TSCĐ của Công ty như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chi phí để có được quyền sử dụng diện tích 4.823m² đất tại lô 89, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương trong 43 năm 02 tháng kể từ ngày 09/08/2002 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 261/QSDĐ/2002 cấp ngày 06/09/2002. Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các tài khoản này được phản ánh vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trên Bảng cân đối kế toán. Số dư công nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Tuy nhiên, Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu (từ năm 2003 đến năm 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2012) với mức thuế suất ưu đãi áp dụng là 15% trong thời gian miễn giảm.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	22.007.641	62.099.246
Tiền gửi ngân hàng	12.771.631	4.180.751.512
	34.779.272	4.242.850.758

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khác	3.099.642	348.621.300
	3.099.642	348.621.300

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.398.778.769	6.656.619.373
Công cụ, dụng cụ	76.465.943	49.605.036
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.327.683.334	2.527.354.325
Thành phẩm	957.168.157	237.267.680
	14.760.096.203	9.470.846.414
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	14.760.096.203	9.470.846.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	2.873.182.720	11.350.392.906	483.460.561	18.465.455	14.725.501.642
Tăng trong năm	-	531.219.505	-	-	531.219.505
Tại ngày 31/12/2010	2.873.182.720	11.881.612.411	483.460.561	18.465.455	15.256.721.147
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	1.248.615.250	9.625.212.309	343.988.151	13.934.118	11.231.749.828
Khấu hao trong năm Thanh lý nhượng bán	130.962.227	1.704.689.046	139.472.410	4.531.337	-
Tại ngày 31/12/2010	1.379.577.477	11.329.901.355	483.460.561	18.465.455	13.211.404.848
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	1.624.567.470	1.725.180.597	139.472.410	4.531.337	3.493.751.814
Tại ngày 31/12/2010	1.493.605.243	551.711.056	-	-	2.045.316.299

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là Nhà cửa, vật kiến trúc; Máy móc, thiết bị và Phương tiện vận tải đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2010 là 12.047.697.249 đồng.
- Một số tài sản cố định hữu hình gồm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại 31/12/2010 là 2.730.010.920 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh KCN Bình Dương (xem Thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2010	3.355.441.291	3.355.441.291
Tăng trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2010	3.355.441.291	3.355.441.291
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2010	576.513.997	576.513.997
Khấu hao trong năm	77.732.232	77.732.232
Tại ngày 31/12/2010	654.246.229	654.246.229
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2010	2.778.927.294	2.778.927.294
Tại ngày 31/12/2010	2.701.195.062	2.701.195.062

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại tại 31/12/2010 là 2.701.195.062 đồng được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh KCN Bình Dương (xem Thuyết minh số 9).

9. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.127.234.375	8.105.217.300
Công ty cổ phần Bao bì PP	1.000.000.000	-
Vay cá nhân	300.000.000	-
	5.427.234.375	8.105.217.300

- Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương : là khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng trị giá 10.000.000.000 đồng số 069BA01 ngày 15/10/2010. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và giá trị quyền sử dụng đất tại lô 89, đường số 6, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương. Thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất vay áp dụng theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì nhựa các loại.
- Khoản vay ngắn hạn của Công ty cổ phần Bao bì PP và cá nhân Trần Thành Sơn : trong vòng 01 tháng, với lãi suất cố định là 16%/năm. Công ty không phải thế chấp cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	232.568.103	210.592.353
	232.568.103	210.592.353

11. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	46.424.801	19.484.873
Phải trả, phải nộp khác	100.000	-
	46.524.801	19.484.873

15. DOANH THU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	45.480.237.273	47.221.722.955
	45.480.237.273	47.221.722.955
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	45.480.237.273	47.221.722.955

16. GIÁ VỐN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	39.156.915.469	42.069.507.613
	39.156.915.469	42.069.507.613

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi	59.597.349	107.352.087
Lãi chênh lệch tỷ giá	34.974.131	45.021.890
	94.571.480	152.373.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2010	15.350.000.000	(1.151.378.700)	238.033.670	1.505.381.560	301.590.805	3.696.079.913	19.939.707.248
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	(348.408.080)	-	-	-	-	(348.408.080)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	3.903.328.579	3.903.328.579
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	547.487.650	199.588.266	(3.696.079.913)	(2.949.003.997)
Giảm khác	-	-	(238.033.670)	-	-	-	(238.033.670)
Tại ngày 31/12/2010	15.350.000.000	(1.499.786.780)	-	2.052.869.210	501.179.071	3.903.328.579	20.307.590.080

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương ngày 24/4/2010, việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2009 được thực hiện như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính : 5,4% lợi nhuận sau thuế, tương đương 199.588.266 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 14,8% lợi nhuận sau thuế, tương đương 547.487.650 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 1,55% lợi nhuận sau thuế, tương đương 55.441.198 đồng
- Thù lao hội đồng quản trị : 1% lợi nhuận sau thuế, tương đương 36.962.799 đồng

13. CỔ TỨC

Năm 2010, Công ty phải chi trả cổ tức của năm 2009 cho các cổ đông theo tỷ lệ 20% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 2.856.600.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương ngày 24/4/2010. Đến thời điểm 31/12/2010, số cổ tức đã trả cho các cổ đông là: 2.856.500.000 đồng (cổ tức chưa trả 100.000 đồng là của các cổ đông chưa lưu ký tại công ty chứng khoán).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	577.975.855	188.755.705
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	114.919.041
	577.975.855	303.674.746

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	4.333.550.436	3.603.906.351
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	238.033.670
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	2.816.509	3.500.000
<i>Trừ: Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá kỳ trước</i>	(238.033.670)	(29.332.827)
Thu nhập chịu thuế, trong đó:	4.098.333.275	3.816.107.194
<i>Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất (a)</i>	3.764.448.563	3.030.671.428
<i>Lợi nhuận từ hoạt động khác (b)</i>	333.884.712	785.435.766
Thuế suất thuế TNDN:		
<i>Thuế suất thuế TNDN ưu đãi (a')</i>	15%	15%
<i>Thuế suất thuế TNDN phổ thông (b')</i>	25%	25%
Chi phí thuế TNDN:		
<i>Chi phí TNDN hiện hành của hoạt động sản xuất</i>	564.667.284	572.416.079
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động khác</i>	83.471.178	-
Thuế TNDN điều chỉnh:		
<i>Giảm theo điều kiện ưu đãi doanh nghiệp vừa và nhỏ; doanh nghiệp thành lập trong KCN</i>	(282.333.642)	(372.070.451)
<i>Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước</i>	41.559.530	-
<i>Truy thu thêm theo Quyết định số 2668/QĐ-CT ngày 25/05/2010</i>	5.004.982	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	412.369.332	200.345.628
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17.852.525	(15.652.563)
Chi phí thuế TNDN	430.221.857	184.693.065

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.903.328.579	3.419.213.286
Lợi nhuận p/bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	3.903.328.579	3.419.213.286
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành b/q trong kỳ	1.429.238	1.503.088
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.731	2.275

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. CỔ PHIẾU

	31/12/2010	01/01/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.535.000	1.535.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	1.535.000	1.535.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.535.000</i>	<i>1.535.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	106.700	84.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.428.300	1.451.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.428.300</i>	<i>1.451.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

21. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2010, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty cổ phần Bao bì PP	3.724.963.636	3.637.947.650
Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch	2.734.709.027	4.055.833.742
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty cổ phần Bao bì PP	3.598.950.510	395.704.145
Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch	386.505.000	7.977.406.772
Vay ngắn hạn		
Công ty cổ phần Bao bì PP	1.000.000.000	-

Số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty cổ phần Bao bì PP	-	291.618.255
Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch	162.558.000	-
Các khoản phải trả		
Công ty cổ phần Bao bì PP	4.670.405.561	-
Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch	-	2.264.658.709

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ngoài ra, Công ty cũng phát sinh giao dịch và số dư với khách hàng chủ yếu của Công ty là Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt nam, chi tiết như sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	37.424.107.520	41.879.504.800
<i>Số dư cuối năm:</i>		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	10.882.013.120	10.673.506.620

22. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Việt Nam và đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu trên báo cáo tài chính năm hiện hành.